

Bản án số: 33/2024/HS-ST

Ngày 20 - 03 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 25/2024/QĐXXST- HS ngày 06/3/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th - sinh năm: 2000 tại xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn GL, xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D - sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1971. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số: 44/2018/HSST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Văn Th 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng về tội: "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo đã nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự số tiền 200.000 đồng ngày 29/10/2018, đã được xóa án tích.

- Bản án số: 58/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Văn Th 6 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*", tổng hợp hình phạt 14 tháng tù cho hưởng án treo chuyển thành

án giam tại bản án hình sự số 44/2018/HSST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương, buộc Nguyễn Văn Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 tháng tù. Ngày 06/4/2021, bị cáo đã chấp hành án xong án phạt tù. Bị cáo đã nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự số tiền 200.000 đồng ngày 25/12/2019, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 68/LB-CSĐT ngày 20/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Đỗ Xuân H, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: khu LTB, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Phạm Thị K, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: khu LTB, thị trấn TK, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: thôn NghX, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: thôn NghX, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Quốc H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: khu 7, thị trấn GiL, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: thôn ĐX, xã UH, huyện NGi, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1992. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Văn Th nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 00' ngày 09/11/2023, Nguyễn Văn Th đi xe bus từ thành phố HD về huyện TK theo đường tỉnh 391 mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực công D thuộc xã ĐS, huyện TK, Th xuống xe rồi đi bộ vào khu vực cánh đồng thôn NghX, xã ĐS, huyện TK. Khi đang đi

trên đường bê tông, Th nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu sơn xanh, biển số: 34L2-8723 của ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1962 ở thôn NghX, xã ĐS đang dựng ở khu vực lán cạnh nương thủy nông. Th đi lại gần thấy chìa khoá vẫn cắm trên xe, quan sát thấy ông G đang phun thuốc sâu dưới ruộng không để ý đến chiếc xe, Th dùng hai tay dong chiếc xe lên đường bê tông, bật chìa khoá vẫn cắm sẵn ở xe rồi điều khiển xe đi thẳng hướng lên đường đê sông ThB, rồi tiếp tục điều khiển xe đi sang thị trấn GiL, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Sau khi trộm cắp được chiếc xe, Th đã sử dụng chiếc xe trên để đi lại.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 00' ngày 01/12/2023, Th điều khiển chiếc xe mô tô biển số: 34L2-8723 đi đến nhà ông Đỗ Xuân H, ở khu LTB, thị trấn TK, huyện TK để vay tiền, nhưng ông H không cho vay. Do không vay được tiền, Th đi ra vị trí bộ bàn ghế đá cạnh sân trước nhà ông H để ngồi hút thuốc lào. Tại đây, Th nhìn thấy trên mặt bàn đá có để 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M53 màu nâu, lắp sim số 0984.387.924 và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen, lắp sim số 0397.728.689 của vợ chồng ông H. Lúc này, Th nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại này nhưng có mặt vợ chồng ông H nên Th không thực hiện được. Sau khi hút thuốc lào xong, Th điều khiển xe mô tô ra khỏi nhà ông H đi đến quán Internet ở thị trấn TK, huyện TK để chơi điện tử. Một lúc sau, Th điều khiển xe quay lại nhà ông H. Khi đến gần đến cổng, quan sát bên trong nhà ông H không nhìn thấy vợ chồng ông H nên Th tắt máy, dừng xe ở phía cổng rồi đi bộ vào sân, thấy 02 chiếc điện thoại của vợ chồng ông H vẫn để trên mặt bàn đá, Th quan sát xung quanh thấy không có ai nên đã lấy hai chiếc điện thoại cho vào túi quần bên trái chiếc quần bò đang mặc, đi ra khu vực để xe rồi điều khiển xe đi ra đường tỉnh 391. Trên đường đi, Th dùng xe tắt nguồn 02 chiếc điện thoại, cất 02 chiếc điện thoại vào túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe đến quốc lộ 37 hướng về thị trấn GiL. Khi đi đến khu vực chợ Đ thuộc xã UH, huyện NGi, Thăng đi vào cửa hàng điện thoại AS của anh Nguyễn Văn S, bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy M53, màu nâu với giá 2.300.000 đồng (*Th nói với anh S đây là điện thoại của Th*). Đến khoảng 08 giờ 00' ngày 02/12/2023, Th đi đến quán điện thoại của anh Bùi Quốc H, sinh năm 1993 ở khu 7, thị trấn GiL, huyện GiL, bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy A23, màu đen với giá 1.800.000 đồng (*Th nói với anh H đây là điện thoại của Th*). Số tiền bán 02 chiếc điện thoại trộm cắp được, Th đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 12/12/2023, Th đi đến quán Internet CG có địa chỉ tại khu TTh, phường TM, thành phố HD để gửi chiếc xe mô tô biển số: 34L2-8723 mà Th trộm cắp được tại quán rồi bắt xe bus về huyện TK (*chủ quán là anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1992 ở cùng địa chỉ không biết đây là*

tài sản do Th trộm cắp mà có). Ngày 13/12/2023, ông Đỗ Xuân H có đơn trình báo gửi đến Công an huyện TK.

Quá trình điều tra, tại Cơ quan điều tra, Th đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông H và tự khai nhận hành vi trộm cắp 01 xe máy Wave alpha, màu sơn xanh, biển số: 34L2-8723 của ông Nguyễn Văn G vào ngày 09/11/2023. Ngày 16/12/2023, ông Nguyễn Văn G có đơn tố giác gửi đến Công an huyện TK.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-ĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TK kết luận: 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M53 5G, vỏ màu nâu, lắp sim số 0984.387.924 được mua mới vào khoảng tháng 7/2022...Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 01/12/2023 tài sản cần định giá có giá trị là: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng); 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A32 4G, vỏ màu đen xám, lắp sim số 0397.728.689 được mua mới vào khoảng tháng 3/2022 ...Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 01/12/2023 tài sản cần định giá có giá trị là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là: 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản Kết định giá tài sản số: 31/KL-ĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TK kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, dung tích 97 cm³, màu xanh, biển số 34L2-8723, xe được mua mới vào tháng 8/2004...tại thời điểm bị trộm cắp ngày 09/11/2023 có giá trị là: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M53 vỏ màu nâu, ngày 13/12/2023, anh Nguyễn Văn S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Ngày 14/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại chiếc điện thoại trên cho ông Đỗ Xuân H chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen xám, anh Bùi Quốc H đã bán cho người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) nên không thu giữ được.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn xanh biển số 34L2-8723, ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã quản lý được tại quán Internet CG. Ngày 09/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn G chủ sở hữu là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th đã nhận lại được chiếc xe mô tô bị mất, không có yêu cầu đối với bị cáo Nguyễn Văn Th về trách nhiệm dân sự.

Ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho ông H, bà K giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 màu đen xám không thu giữ được.

Anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả số tiền 2.300.000 đồng anh S đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy M53 vỏ màu nâu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá, về vật chứng và về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo về tội danh trên là đúng đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhất trí bồi thường và hoàn trả cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giá trị tài sản bằng tiền như bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu.

Bị hại ông Đỗ Xuân H, bà Phạm Thị K, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Quốc H, anh Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K trình bày đã nhận lại được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M53 vỏ màu nâu; đối với chiếc điện thoại SamSung Galaxy A32 vỏ màu đen xám bị cáo đã chiếm đoạt của ông bà, ông bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông bà trị giá chiếc điện thoại là 3.000.000 đồng. Đối với 02 sim điện thoại trong tài khoản sim không còn tiền và tiền làm lại sim, ông bà tự làm lại được nên không yêu cầu định giá, không yêu cầu tính giá trị và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th trình bày đã được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn xanh, biển số 34L2- 8723 nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Bùi Quốc H trình bày anh không biết chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen xám anh mua của bị cáo là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Chiếc điện thoại này anh đã bán cho người khác (*không rõ họ tên, địa chỉ*) nên không thu giữ được. Anh Nguyễn Văn S trình bày anh không biết chiếc điện thoại SamSung Galaxy M53 vỏ màu nâu anh mua của bị cáo là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Đối với số tiền anh S đã bỏ ra mua chiếc điện thoại này với giá 2.300.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh. Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-TK ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/12/2023. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng; Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K số tiền 3.000.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền 2.300.000 đồng. Về xử lý vật chứng: không phải giải quyết. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở đơn trình báo và lời khai của các bị hại, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, kết luận định giá tài sản và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 16 giờ 00' ngày 09/11/2023, tại khu vực cánh đồng thôn NghX, xã ĐS, huyện TK, Nguyễn Văn Th có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, màu xanh, đeo biển kiểm soát 34L2-8723 của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th ở thôn NghX, xã ĐS, huyện TK. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng ông G và bà Th là 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*).

Khoảng 17 giờ 00' ngày 01/12/2023, tại nhà ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K ở khu LTB, thị trấn TK, huyện TK, Nguyễn Văn Th có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M53 5G, vỏ màu nâu, lắp sim số 0984.387.924 trị giá 5.300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A32 4G, vỏ màu đen xám, lắp sim số 0397.728.689 trị giá 3.000.000 đồng của vợ chồng ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng ông H và bà K là 8.300.000đ (*Tám triệu ba trăm ngàn đồng*).

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà bị cáo Th đã chiếm đoạt của các bị hại là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt những tài sản trên của các bị hại là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 12.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát huyện TK truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở của vợ chồng ông G và vợ chồng ông H trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thì thấy: bị cáo đã nhiều lần bị kết án mặc dù đến nay đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn có nhân thân xấu: ngày 31/7/2018, Toà án nhân dân huyện TK xử phạt bị cáo 14 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/11/2019, Toà án nhân dân huyện TK xử phạt bị cáo 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 tháng tù. Ngày 06/4/2021, bị cáo đã chấp hành án xong án phạt tù. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông G và gia đình ông H, mỗi lần

đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khai báo với Cơ quan điều tra hành vi Trộm cắp tài sản tại gia đình ông Nguyễn Văn G nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú và các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn S và anh Bùi Quốc H là những người đã mua 02 chiếc điện thoại do bị cáo Th trộm cắp nhưng khi mua điện thoại, các anh không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có; anh Nguyễn Xuân C cho Th gửi nhờ chiếc xe mô tô gắn biển số 34L2-8723 tại quán của anh nhưng các anh đều không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không vi phạm và không đặt ra vấn đề xử lý.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th đã nhận lại được chiếc xe mô tô bị mất, không có yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 màu đen xám của ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K trị giá 3.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của ông H và bà K đã bị bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Ông bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông bà giá trị chiếc điện thoại theo hội đồng định giá đã kết luận bằng tiền; anh Nguyễn Văn S yêu cầu Nguyễn Văn Th phải hoàn trả số tiền 2.300.000 đồng anh S đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy M53 vỏ màu nâu, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông H và bà K; anh Sơn là có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường và hoàn trả cho họ trị giá tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá và theo yêu cầu của họ với số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 sim điện thoại số 0984.387.924 và số 0397.728.689, ông Hải và bà Kéo xác định trong tài khoản của 02 sim này không còn tiền nên không yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường, không yêu cầu định giá, không yêu cầu tính giá trị, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M53 vỏ màu nâu, ngày 13/12/2023, anh Nguyễn Văn S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Ngày 14/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại chiếc điện thoại trên cho ông Đỗ Xuân H chủ sở hữu là phù hợp nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen xám, anh Bùi Quốc H đã bán cho người khác (*không rõ họ tên, địa chỉ*) nên không thu giữ được, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn xanh biển số 34L2-8723, ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã quản lý được tại quán Internet CG. Ngày 09/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn G chủ sở hữu là phù hợp nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải bồi thường, hoàn trả tiền cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho ông Đỗ Xuân H và bà Phạm Thị K số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện TK;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện TK;
- Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh

